

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phó Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét*

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC
(WASECO)**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
6 tháng đầu năm 2023*

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38 205.944 – 38 205.947; Fax: 028.38 205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)
Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc 6 tháng đầu năm 2023	10 – 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước thuộc Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị - phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyên giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Sản xuất điện. Chi tiết: sản xuất điện gió, điện mặt trời và điện khác (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân). Truyền tải và phân phối điện. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại...

Vốn điều lệ của Công ty là: 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng)

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đoàn Chung	Phó Chủ tịch
Ông Chu Xuân Lãng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Bôn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bảo Quỳnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Chu Xuân Lãng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Ông Nguyễn Quốc Tuấn Kế toán trưởng

Các thành viên của Bộ phận Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà Bùi Khánh Linh Phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ
Ông Nguyễn Văn Tiến Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Ninh Thành viên

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Khánh Linh Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Dân Thành viên
Ông Phạm Phước Thịnh Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác soát xét cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan

TP.HCM, ngày 09 tháng 08 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Chu Xuân Lãng

Số: 626/BCKT/TC/2023/AASCS.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của****Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO)**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO), được lập ngày 09 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc**Nguyễn Thị Tuyết**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0624-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		233.156.680.772	216.123.270.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	79.368.517.523	60.603.722.536
1. Tiền	111		24.145.851.112	46.603.722.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.222.666.411	14.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	22.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	10.000.000.000	22.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.063.233.540	116.848.710.557
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	85.484.396.924	111.831.303.554
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4	22.898.291.430	9.899.453.020
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5	7.826.719.462	6.092.574.388
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	VI.6	(11.146.174.276)	(10.974.620.405)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		34.147.168.171	12.382.558.701
1. Hàng tồn kho	141	VI.7	34.523.452.583	12.758.842.618
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(376.284.412)	(376.284.412)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.577.761.538	4.288.279.241
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.12a	3.405.615.949	4.288.279.241
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.16	1.172.145.589	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		314.117.989.985	318.966.362.393
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		165.762.280.164	170.225.676.221
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	146.471.901.367	150.661.447.182
- Nguyên giá	222		252.002.217.309	248.388.899.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.530.315.942)	(97.727.452.031)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	19.290.378.797	19.564.229.039
- Nguyên giá	228		23.567.332.000	23.567.332.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.276.953.203)	(4.003.102.961)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.11	124.946.351.846	128.309.369.492
- Nguyên giá	231		206.497.093.439	206.497.093.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(81.550.741.593)	(78.187.723.947)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8	17.290.702.164	14.117.766.272
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.290.702.164	14.117.766.272
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2b	2.855.616.559	2.855.616.559
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.487.946.475	4.487.946.475
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.632.329.916)	(1.632.329.916)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.263.039.252	3.457.933.849
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.21b	1.487.963.019	1.845.074.145
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		701.454.383	344.033.854
5. Lợi thế thương mại	269	VI.12c	1.073.621.850	1.268.825.850
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		547.274.670.757	535.089.632.928

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		351.967.950.796	336.596.481.305
I. Nợ ngắn hạn	310		164.296.341.020	144.443.037.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.14	42.141.770.516	36.002.554.268
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.15	64.938.970.575	19.069.594.392
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.16	6.178.448.687	7.407.970.344
4. Phải trả người lao động	314	VI.17	1.044.796.720	2.960.760.694
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	8.555.422.023	36.500.792.326
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	14.912.613.919	13.269.610.860
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.13a	6.165.720.764	10.759.396.244
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.20	16.490.062.859	16.224.129.573
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	VI.22	3.868.534.957	2.248.229.085
II. Nợ dài hạn	330		187.671.609.776	192.153.443.519
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.19c	5.086.176.941	5.145.304.243
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b	27.486.135.918	27.283.259.369
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.13b	150.556.113.675	156.086.113.675
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.21b	4.543.183.242	3.638.765.862
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		195.306.719.961	198.493.151.623
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.23	195.292.811.713	198.479.243.375
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	132.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.000.000.000	132.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.639.328.147	9.639.328.147
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415		(30.000)	(30.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.419.917.589	34.419.917.589
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.396.668.366	17.276.969.474
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		656.969.474	6.116.102.049
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		13.739.698.892	11.160.867.425
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.836.927.611	5.143.058.165
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.908.248	13.908.248
1. Nguồn kinh phí	431		13.908.248	13.908.248
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		547.274.670.757	535.089.632.928

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Ngọc Đài

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 09 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Chu Xuân Lãng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VII.1	99.732.977.397	64.744.653.958	149.050.147.058	118.652.801.472
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		99.732.977.397	64.744.653.958	149.050.147.058	118.652.801.472
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	81.512.999.485	48.348.459.396	114.821.506.030	85.437.709.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.219.977.912	16.396.194.562	34.228.641.028	33.215.091.485
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	1.574.441.368	1.122.122.302	2.487.804.792	1.776.038.362
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	4.710.882.353	4.884.844.176	9.723.083.769	9.659.745.115
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.710.882.353	4.884.844.176	9.723.083.769	9.659.745.115
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VII.7a	89.874.646	154.610.424	149.009.969	199.894.983
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7b	3.451.452.462	3.232.371.360	9.242.143.394	8.293.624.740
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		11.542.209.819	9.246.490.904	17.602.208.688	16.837.865.010
12. Thu nhập khác	31	VII.5	80.084.885	23.469.153	80.084.885	23.469.153
13. Chi phí khác	32	VII.6	33.185.653	37.771.925	58.188.101	37.771.925
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		46.899.232	(14.302.772)	21.896.784	(14.302.772)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.589.109.051	9.232.188.132	17.624.105.472	16.823.562.238
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	2.010.019.644	2.031.339.495	3.643.540.284	3.447.757.282
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		541.549.325	(324.405.286)	546.996.850	(318.957.761)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.037.540.082	7.525.253.923	13.433.568.338	13.694.762.717
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9.119.389.565	7.406.223.689	13.739.698.892	13.506.406.655
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(81.849.483)	119.030.234	(306.130.554)	188.356.062
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.11	594	482	895	880
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Ngọc Đài

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Lập ngày 09 tháng 08 năm 2023
 Tổng Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)


Chu Xuân Lãng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

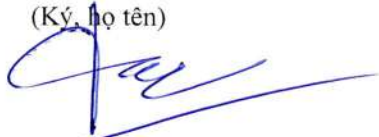
(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

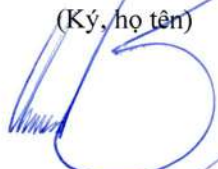
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		243.581.796.200	150.688.476.504
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(163.429.582.855)	(67.112.259.480)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.719.223.609)	(9.690.459.422)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(9.595.416.301)	(9.591.853.854)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.896.759.992)	(1.770.927.450)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.380.677.122	4.224.200.640
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.196.213.491)	(46.481.908.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.125.277.074	20.265.267.949
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.116.550.000)	(140.915.320)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		12.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.986.721.624	1.029.726.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.875.491.624	888.811.206
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		6.165.720.764	7.137.225.779
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(16.289.396.244)	(20.269.181.859)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.112.345.750)	(26.298.883.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.236.021.230)	(39.430.839.730)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		18.764.747.468	(18.276.760.575)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		60.603.722.536	85.339.852.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		47.519	7.468.846
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VI.1	79.368.517.523	67.070.560.905

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Ngọc Đài

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 09 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Chu Xuân Lãng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC
6 tháng đầu năm 2023

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước thuộc Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc – thiết bị – phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Sản xuất điện. Chi tiết: sản xuất điện gió, điện mặt trời và điện khác (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân). Truyền tải và phân phối điện. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại...

Trụ sở của Công ty tại: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Các chi nhánh của Công ty:

- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước – Nhà máy nước Đăkmil, địa chỉ: số 01 Nguyễn Khuyến Đăkmil, Đắc Nông.

- Chi nhánh Trung tâm kinh doanh vật tư, địa chỉ: số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

+ Số lượng công ty con: 01 (một)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

- + Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 (một)
- + Số lượng công ty con không được hợp nhất: không.
- Chi tiết công ty con được hợp nhất:
 - + Công ty CP Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á - Mêkông Rạch Giá
 - Địa chỉ: Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.
 - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 89,75%.
 - Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 89,75%.

6. **Số lượng công nhân viên Công ty tính đến 30/06/2023:** 124 người.

II Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam.

Các giao dịch bị loại trừ khỏi báo cáo khi hợp nhất:

- Các số dư các khoản phải thu, phải trả giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty bị loại bỏ;
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị trong cùng công ty;
- Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con và phần vốn của công ty mẹ tại công ty con.

III Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Kỳ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

IV Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

V Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.1 Các khoản chi vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.2 Các khoản đầu tư vào công ty con:

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:



5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

6.2 Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

9.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

9.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: 10 Phó Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

11.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

11.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11.3 Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11.4 Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

12.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

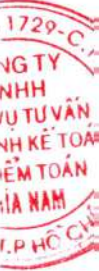
Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

12.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

14.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14.2 Thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: 10 Phó Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
* Tiền mặt (VND)	298.299.894	708.118.138
- Văn phòng công ty	127.202.739	151.748.242
- Trung tâm Kinh doanh	9.066.080	15.251.408
- Chi nhánh DakMil	19.002.413	332.102.351
- Công ty CP Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á - Mêkông Rạch Giá	143.028.662	209.016.137
* Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.847.551.218	45.895.604.398
a- Văn phòng công ty	20.162.356.887	42.246.777.153
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD 2	5.957.965.294	37.066.216.841
- Ngân hàng VIETBANK - Cộng hòa	7.899.069	6.329.313
- Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam	65.500.184	658.145.995
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN- Chi Nhánh 1 Tp.HCM	13.421.023.385	3.963.308.852
- Ngân hàng TMCP Công Thương CN I - CT Cà Mau	11.580.277	11.568.799
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CT Buôn Ma Thuột	10.625.153	10.614.621
- Ngân hàng TMCP Công Thương CT gói XL 5 - Quận 2	168.756.713	11.315.689
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Thành	2.395.629	2.141.421
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam (98,98 EUR)	2.492.233	2.707.660
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam (21.739,47 USD)	508.920.993	509.230.005
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN I Tp.HCM (222,04 USD)	5.197.957	5.197.957
b- Trung tâm kinh doanh	57.267.809	328.480.698
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	57.267.809	328.480.698
c- Chi nhánh Dakmil	4.874.307	2.217.408
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	4.874.307	2.217.408
f- Công ty CP Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á - Mêkông Rạch Giá	3.623.052.215	3.318.129.139
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB)	1.000.479	1.000.479
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Kiên giang	3.619.046.885	3.313.967.334
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (129,68 USD)	3.004.851	3.161.326
* Các khoản tương đương tiền	55.222.666.411	14.000.000.000
a- Văn phòng công ty	54.210.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm VND tại NH VIETBANK - Cộng Hòa (Kỳ hạn 01 tháng)	10.150.000.000	
- Tiền gửi tiết kiệm VND tại NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (Kỳ hạn 01 tháng)	20.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm VND tại NH TMCP Công Thương Việt Nam CN I TP.HCM (Kỳ hạn 01 tháng)	4.060.000.000	
b- Công ty CP TV và Cấp nước Đông Nam Á - Mêkông Rạch Giá	1.012.666.411	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Kiên Giang (kỳ hạn < 3 tháng)	1.012.666.411	4.000.000.000
Cộng	79.368.517.523	60.603.722.536

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2023

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng (kỳ hạn trên 3 tháng)

- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7%/năm)

- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (kỳ hạn 1 năm, lãi suất 5,6%/năm)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
			12.000.000.000	12.000.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	4.487.946.475	1.632.329.916	2.855.616.559	4.487.946.475	1.632.329.916	2.855.616.559
- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 15	1.220.303.364	1.220.303.364		1.220.303.364	1.220.303.364	
- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 12	1.400.000.000	412.026.552	987.973.448	1.400.000.000	412.026.552	987.973.448
- Công ty Điện Nước An Giang	1.521.000.000		1.521.000.000	1.521.000.000		1.521.000.000
- Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước	346.643.111		346.643.111	346.643.111		346.643.111
Cộng	4.487.946.475	1.632.329.916	2.855.616.559	4.487.946.475	1.632.329.916	2.855.616.559

Ghi chú (*): Đối với các khoản đầu tư vào đơn vị khác, tới thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2023 nên không có căn cứ để trích lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG*** Phải thu của khách hàng ngắn hạn****Phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng**

- Công ty CP Cấp thoát nước Phú Yên

- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên

(CT Tuyển ông Xuyên Á - Tô Ngọc Vân)

- Công ty CP XDTM An Xuân Thịnh (HĐ 01/2016 gói F1)

Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác

- Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Kiên Giang

- Công ty CP Cấp Nước Gia Tân

- Công ty CP Năng Lượng và Môi Trường Tân Hồng

- BQL DA Đầu Tư Xây Dựng Công Trình NN & PTNT Tỉnh Tiền Giang

- BQLDA Đầu tư Xây dựng các công trình NN & PTNT Tỉnh Bến Tre

- BQLDA VSMT HCM- Gói thầu XL05 - Quận 2

- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang

- Công ty CP Đầu Tư TM XD Thiết Bị và Năng Lượng Phương Nam

- CN TCT Cấp Nước Sài Gòn TNHH MTV - XN Truyền Dẫn Nước Sạch

- BQL DA Phát triển Đô thị Hành lang Tiểu vùng sông Mê Kông

Tỉnh Tây Ninh

- BQL DA ngành NN&PTNT - CT Sông Ray -Vũng Tàu

- BQL DA nâng cấp đô thị TP Cà Mau - CT Cà Mau

- Công ty TNHH Việt Thanh Sơn

- Khách hàng khác

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)

Cộng**Số cuối kỳ****85.484.396.924****Số đầu năm****111.831.303.554****31.510.767.620****16.077.199.756**

11.266.210.454

11.255.646.332

7.088.288.922

8.988.910.834

8.988.910.834

50.928.102.710**92.610.888.878**

6.890.619.524

6.024.688.888

6.845.814.830

6.845.814.830

5.727.395.996

7.654.093.246

4.861.071.428

32.208.085.597

4.317.704.358

3.025.980.824

3.755.658.044

3.913.069.728

2.666.940.100

2.231.592.300

2.076.491.545

1.993.899.904

1.373.111.802

1.357.506.651

10.835.052.770

1.227.552.200

1.227.552.200

1.109.084.058

1.109.084.058

8.719.152.174

5.508.318.138

10.033.656.395

3.045.526.594**3.143.214.920**

3.045.526.594

3.143.214.920

85.484.396.924**111.831.303.554****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN***** Trả trước cho người bán ngắn hạn****Trả trước cho người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên**

- Công ty CP Xây Dựng Công Trình Giao Thông Hà Nội

- Công ty TNHH Cơ khí Đạt Tiến Phát

Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác**Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

- Công ty CP Khoan và Xây lắp Cấp thoát nước

Cộng**Số cuối kỳ****22.898.291.430****Số đầu năm****9.899.453.020**

7.696.799.426

2.990.472.210

4.706.327.216

10.272.240.008**9.899.453.020**

4.929.251.996

4.929.251.996

22.898.291.430**9.899.453.020****5. PHẢI THU KHÁC***** Phải thu ngắn hạn khác**

- Công ty CP XD TM An Xuân Thịnh

- BQL DA ĐTXD CT NN và PTNT

Tiền Giang - CT Trạm bơm tăng áp

Gò Công

- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng

- Tạm ứng

- Ký quỹ, ký cược

- Phải thu ngắn hạn khác

Cộng**Số cuối kỳ****Giá trị****7.826.719.462****Dự phòng****1.204.151.826**

1.000.000.000

1.000.000.000

298.251.000

530.280.472

2.700.164.032

2.291.966.820

1.006.057.138

7.826.719.462**Giá trị****6.092.574.388**

1.000.000.000

1.000.000.000

382.772.603

204.151.826

3.040.401.675

808.081.602

861.318.508

6.092.574.388**Số đầu năm****Giá trị****6.092.574.388**

1.000.000.000

1.000.000.000

382.772.603

204.151.826

3.040.401.675

808.081.602

861.318.508

6.092.574.388**Dự phòng****1.204.151.826**

1.000.000.000

1.000.000.000

1.000.000.000

1.000.000.000

204.151.826

204.151.826

204.151.826

1.204.151.826

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

6. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng						
- Công ty TNHH WEC ENGINEERS Việt Nam	Trên 3 năm	862.396.028		Trên 3 năm	862.396.028	
- Tổng Công ty Sawaco (CT ống lồng băng đường Xuyên Á và CT Nguyễn Thiện Thuật)	Trên 3 năm	104.022.493		Trên 3 năm	104.022.493	
- Công ty CP XD TM An Xuân Thịnh - CT gói F1 (*)	Trên 3 năm	8.988.910.834	998.191.628	Trên 3 năm	8.988.910.834	998.191.628
- Công ty CP Nước Aqua One Hậu Giang	Trên 3 năm	179.705.152		Trên 3 năm	179.705.152	
- Công ty TNG - CT NMN Nhị Thành, Long An	Trên 3 năm	377.337.010		Trên 3 năm	477.337.010	143.201.103
- DA Buôn Ma Thuột và 3 thị trấn - DLCW-01	Trên 3 năm	427.842.561		Trên 3 năm	427.842.561	128.352.768
- Công ty CP Dược Phẩm Việt - CT Nhà xưởng và VP	Trên 3 năm			Trên 3 năm	49.500.000	49.500.000
Phải thu khác						
- Công ty CP XD TM An Xuân Thịnh - CT gói 1.9 và	Trên 3 năm	1.000.000.000		Trên 3 năm	1.000.000.000	
- Lê Thái Hà - CT Đông Tăng Long XL05-16	Trên 3 năm	291.645.456	87.493.630	Trên 3 năm	291.645.456	87.493.630
Cộng		12.231.859.534	1.085.685.258		12.381.359.534	1.406.739.129

Ghi chú (*):

- Ngày 24/11/2020, Tòa án Nhân dân Quận 7, TPHCM có Bản án sơ thẩm số 100/2020/KDTM-ST, và ngày 02/12/2021 Tòa án Nhân dân TPHCM có Bản án phúc thẩm số 660/2021/KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng thầu phụ giữa đơn vị và Công ty Xây dựng Thương Mại An Xuân Thịnh, quyết định Công ty Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh có nghĩa vụ phải trả cho đơn vị số tiền 8.988.910.834 đồng, lãi chậm trả tính từ ngày 23/10/2018 là 1.770.423.746 đồng (Tòa án cũng áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản của Công ty Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh).

- Ngày 22/02/2022, Viện Kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại TPHCM có văn bản số 12/YC-VKS-KDTM, yêu cầu hoãn thi hành Bản án phúc thẩm số 660/2021/KDTM-PT ngày 02/12/2021, để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo đơn của Công ty CP Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh.

- Ngày 06/04/2022 Viện Kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại TP.HCM có Quyết định số 76/QĐKNGĐT-VKS-KDTM: kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án số 660/2021/KDTM-PT ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân TP.HCM; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM xét xử giám đốc thẩm; tạm đình chỉ thi hành đối với Bản án số 660/2021/KDTM-PT ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân TP.HCM cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

- Ngày 03/04/2023, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM có Quyết định giám đốc thẩm số 07/2023/KDTM-GĐT:

- + Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 76/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 06/04/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- + Hủy Bản án phúc thẩm số 660/2021/KDTM-PT ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân TPHCM;
- + Hủy Bản án sơ thẩm số 100/2020/KDTM-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, TPHCM;
- + Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 7, TPHCM xét xử sơ thẩm lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.288.143.011	376.284.412	1.466.116.793	376.284.412
- Công cụ, dụng cụ	63.052.342		391.903.772	
- Chi phí SX KD dở dang	33.106.691.683		10.401.789.501	
- Hàng hóa	65.565.547		499.032.547	
Cộng	34.523.452.583	376.284.412	12.758.842.613	376.284.412

8. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN*** Xây dựng cơ bản dở dang**

- Dự án khu phức hợp Q9 - HCM
- Đầu tư, cải tạo sửa chữa tòa nhà A và B
- Chi phí đầu tư mua nhà kho xã Phước Tân, Biên Hòa
- Xây dựng HTCN Nam Rạch Giá, Kiên Giang - Các hạng mục còn lại của GD2

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	17.290.702.164	14.117.766.272

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	157.047.058.025	45.572.065.551	14.448.090.720	31.321.684.917	248.388.899.213
- Mua trong kỳ				115.836.000	115.836.000
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XDCB hoàn thành	225.395.296			3.426.339.306	3.651.734.602
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác				154.252.506	154.252.506
Số dư cuối kỳ	157.272.453.321	45.572.065.551	14.448.090.720	34.709.607.717	252.002.217.309
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.935.512.692	20.389.962.453	12.959.657.284	23.442.319.602	97.727.452.030
- Khấu hao trong kỳ	3.933.548.210	2.492.656.878	310.983.512	1.217.652.903	7.954.841.503
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác				151.977.591	151.977.591
Số dư cuối kỳ	44.869.060.902	22.882.619.331	13.270.640.796	24.507.994.914	105.530.315.942
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	116.111.545.333	25.182.103.098	1.488.433.436	7.879.365.315	150.661.447.183
2. Tại ngày cuối kỳ	112.403.392.419	22.689.446.220	1.177.449.924	10.201.612.803	146.471.901.367

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

135.593.012.688 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

29.018.362.104 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền SD Đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Trị giá thương hiệu	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	20.417.332.000		3.150.000.000		23.567.332.000
- Mua trong kỳ					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	20.417.332.000		3.150.000.000		23.567.332.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.092.102.961		1.911.000.000		4.003.102.961
- Khấu hao trong kỳ	210.850.242		63.000.000		273.850.242
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	2.302.953.203		1.974.000.000		4.276.953.203
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	18.325.229.039		1.239.000.000		19.564.229.039
2. Tại ngày cuối kỳ	18.114.378.797		1.176.000.000		19.290.378.797

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 18.114.378.797 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

* Chi tiết về quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án NMN tại Mông Thọ B:

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)		Mục đích sử dụng đất			Thời hạn sử dụng đất
		Sử dụng riêng	Sử dụng chung	Đất thương mại dịch vụ	Đất thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	
5	274	3.694,4			3.694,4		7/12/2066
5	158	5.895,3			5.895,3		7/12/2066
5	190	7.693,7			7.693,7		7/12/2066
5	138	8.879,0			8.879,0		7/12/2066
5	298	29.188,7			29.188,7		7/12/2066
5	297	26.905,8			26.905,8		7/12/2066
5	245	4.050,0			4.050,0		7/12/2066
5	275	1.867,0			1.867,0		7/12/2066
25	6	655,6		200,0	305,1	150,5	Đất thủy lợi 12/7/2066, đất TMDV lâu dài, đất TCLN 10/2018
TỔNG CỘNG		88.829,5		200,0	88.479,0	150,5	

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã được thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Kiên Giang (Chi tiết tại TM VIII-3.b.4.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
* Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	206.497.093.439			206.497.093.439
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà (Khu C)	93.871.049.719			93.871.049.719
- Nhà (Khu A +B)	112.626.043.720			112.626.043.720
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	78.187.723.947	3.363.017.646		81.550.741.593
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà (Khu C)	11.932.245.598	1.567.373.514		13.499.619.112
- Nhà (Khu A +B)	66.255.478.349	1.795.644.132		68.051.122.481
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	128.309.369.492			124.946.351.846
- Quyền sử dụng đất				80.371.430.607
- Nhà (Khu C)	81.938.804.121			
- Nhà (Khu A +B)	46.370.565.371			44.574.921.239
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 124.946.351.846 đồng.

- Nguyên giá BĐSĐT cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 9.103.462.759 đồng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí chờ phân bổ

b. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

c. Lợi thế thương mại**Cộng****Số cuối kỳ****Số đầu năm****3.405.615.949** **4.288.279.241**

3.405.615.949 4.288.279.241

1.487.963.019 **1.845.074.145**

1.487.963.019 1.845.074.145

1.073.621.850 **1.268.825.850****5.967.200.818** **7.402.179.236**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	6.165.720.764	6.165.720.764	6.165.720.764	10.759.396.244	10.759.396.244	10.759.396.244
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh SDG II	1.200.088.560	1.200.088.560	1.200.088.560	2.100.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi Nhánh 1 Tp.HCM	4.965.632.204	4.965.632.204	4.965.632.204	8.659.396.244	8.659.396.244	8.659.396.244
b. Vay dài hạn (*)	150.556.113.675	150.556.113.675		5.530.000.000	156.086.113.675	156.086.113.675
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN	150.556.113.675	150.556.113.675		5.530.000.000	156.086.113.675	156.086.113.675
Cộng	156.721.834.439	156.721.834.439	6.165.720.764	16.289.396.244	166.845.509.919	166.845.509.919

Ghi chú (*): Chi tiết khoản vay dài hạn như sau:

	Thời hạn vay	Hạn mức vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số tiền vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh 1	138 tháng	94.000.000.000	12,0%	38.815.036.241	Vay đầu tư dự án Trung tâm trung bày vật tư - và VP làm việc (Khu C)	Thuyết minh VIII-3.b.4.2
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Kiên Giang	144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	180.000.000.000	Lãi suất điều chỉnh	108.151.077.434	Vay đầu tư dự án Xây Dựng hệ thống cấp nước Nam Rạch Giá có công suất 20.000 m3/ngày	Thuyết minh VIII-3.b.4.2
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Kiên Giang	72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6.549.810.239	Lãi suất điều chỉnh	3.590.000.000	Thanh toán các chi phí hợp lý để đầu tư xây dựng Dự án điện mặt trời áp mái nhà máy cấp nước Nam Rạch Giá tại 243 đường Quốc lộ 80, ấp Phước Ninh, xã Mông Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Thuyết minh VIII-3.b.4.3
Cộng				150.556.113.675		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trên tổng phải trả người bán ngắn hạn	6.175.026.159	6.175.026.159		
- Công ty CP Nhựa Đồng Nai	6.175.026.159	6.175.026.159		
* Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn khác	35.966.744.357	35.966.744.357	36.002.554.268	36.002.554.268
- Công ty CP Công Nghệ Xây Dựng Nam Sơn	3.454.384.698	3.454.384.698	2.230.476.102	2.230.476.102
- Công ty CP Thương Mại Hoa Lư	3.221.445.146	3.221.445.146	3.242.273.057	3.242.273.057
- Công ty TNHH Thương Mại Thạnh Đức	2.911.926.667	2.911.926.667	564.158.498	564.158.498
- Công ty TNHH Xây Dựng TM Vận Tài Thảo Anh	1.864.642.000	1.864.642.000		
- Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đạt Thành	1.548.403.473	1.548.403.473	94.149.919	94.149.919
- Công ty TNHH Hoá Nhựa Đệ Nhất	1.500.952.602	1.500.952.602		
- Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Công Chánh	1.494.284.529	1.494.284.529	467.519.394	467.519.394
- Công ty CP DNP Holding	1.299.545.902	1.299.545.902	1.294.670.847	1.294.670.847
- Công ty TNHH TM&CN B.A.C.A.U	1.297.296.000	1.297.296.000		
- Công ty TNHH XD - TM - DV Giang Bình	1.261.331.598	1.261.331.598	1.452.135.763	1.452.135.763
- Công ty CP Thương mại và DV Thiết Bị Môi Trường Sài Gòn	760.227.227	760.227.227		
- Công ty TNHH Cơ Khí Môi Trường Hồng Hà	688.129.480	688.129.480		
- Công ty TNHH Xây Dựng Việt Hùng Tiến	613.212.959	613.212.959	613.212.959	613.212.959
- Công ty CP Đầu tư Việt Phú Mỹ	528.632.858	528.632.858	121.622.947	121.622.947
- Công ty TNHH MTV HADA Tây Ninh	209.515.523	209.515.523	1.849.278.523	1.849.278.523
- Công ty TNHH Trường Minh Hải			9.224.233.005	9.224.233.005
- Công ty TNHH XD TM Ngũ Hành Sơn	166.284.702	166.284.702	166.284.702	166.284.702
- Công ty TNHH Lắp Đặt Cơ Điện Vĩnh Phúc			1.059.732.606	1.059.732.606
- Khách hàng khác	13.146.528.993	13.146.528.993	13.622.805.946	13.622.805.946
Cộng	42.141.770.516	42.141.770.516	36.002.554.268	36.002.554.268



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

*** Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Công ty Cổ phần Đầu Tư Nước Sạch Sông Đà - CT: HTCN Sông Đà
- Công ty CP Cấp Thoát Nước Bến Tre (Gói số 2 tuyến ống cấp nước từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long Bến Tre)
- Công ty CP Điện nước An Giang (CT NMN Bình Hòa - An Giang)
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (Khắc phục sự cố rò rỉ trên tuyến ống cấp nước D1500)
- Công ty Hạ tầng kỹ thuật KDC số 6 - công viên giải trí Hiệp Bình Phước
- Công ty TNHH DELTA VALLEY Bình Thuận - HTCN Ba Bàu Phan Thiết
- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận
- Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Phú Yên
- Khách hàng khác
- * Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan**
- Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen) - Ct: tuyến ống CN số 5 Gò Công (tiền trả hộ phải thu)

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	64.183.588.989	19.034.877.391
	51.356.600.000	
	5.103.494.839	
	2.972.817.000	2.972.817.000
	2.440.500.000	
	1.294.000.000	
	411.294.826	411.294.826
	404.959.600	404.959.600
		15.000.000.000
	199.922.724	245.805.965
	755.381.586	34.717.001
	12.122.359	34.717.001
	743.259.227	
	64.938.970.575	19.069.594.392



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Phải thu	Phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng		4.255.966.867	1.118.437.900	5.721.630.000	732.326.127	385.100.894
+ VP Công ty + Trung tâm kinh doanh		4.084.212.698	650.659.102	5.467.197.927	732.326.127	
+ Chi nhánh Dakmil		55.050.657	121.357.084	111.140.638		65.267.103
+ Công ty CP Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á - Mêkông Rạch Giá		116.703.512	346.421.714	143.291.435		319.833.791
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)		2.156.060.608	3.643.540.284	1.896.759.992		3.902.840.900
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất			2.040.511.828	1.438.553.068	439.819.462	1.041.778.222
+ Tiền thuê đất tại số 10 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM			1.041.778.222			1.041.778.222
+ Tiền thuê đất tại Xa Lộ Hà Nội, P.Hiệp Phú, TP. Thủ Đức			998.733.606	1.438.553.068	439.819.462	
- Thuế tài nguyên		5.953.388	160.349.882	138.171.530		28.131.740
- Thuế TNCN		954.090.764	676.955.976	851.064.794		779.981.946
- Thuế môn bài			8.000.000	8.000.000		
- Phí bảo vệ môi trường		30.938.646	209.361.310	206.069.842		34.230.114
- Các loại thuế khác		4.960.072	68.200.812	66.776.012		6.384.872
Cộng		7.407.970.344	7.925.357.992	10.327.025.238	1.172.145.589	6.178.448.687

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.044.796.720	2.960.760.694
1.044.796.720	2.960.760.694

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

* Chi phí phải trả ngắn hạn

- Trích trước chi phí phải trả các công trình
- Trích trước chi phí vận chuyển, nghiệm thu vật tư kinh doanh
- Trích trước chi phí điện phải trả
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả
- Các khoản trích trước khác

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
8.196.921.823	36.023.373.614
88.933.000	
34.790.700	380.573.680
224.512.501	96.845.032
10.264.000	
8.555.422.024	36.500.792.326

19. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí Công đoàn
- Các khoản phải trả khác

b. Phải trả dài hạn khác

- Tổng Công ty phát triển nhà và đô thị - dự án quận 9
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc thuê văn phòng

c. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

- Công ty CP Năng Lượng và Môi Trường Tam Nông
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Chánh Phú Hòa
- Tổng Công ty Sawaco - lắp đặt đồng hồ Tổng đường CMT8

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
14.912.613.919	13.269.610.859
128.098.275	65.795.123
14.784.515.644	13.203.815.736
27.486.135.918	27.283.259.769
5.837.572.099	5.837.572.099
21.648.563.819	21.445.687.670
5.086.176.941	5.145.304.213
4.522.907.896	3.223.768.889
	1.358.266.279
563.269.045	563.269.045
47.484.926.778	45.698.174.841

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

- Trích chi phí bảo hành CT: Nâng cấp đô thị Cà Mau
- Trích chi phí bảo hành CT: T/ống cấp nước Trần Hưng Đạo Phú Yên
- Trích chi phí bảo hành CT: Mở rộng T/ống CN NMN Chí Thạnh, Phú Yên
- Trích chi phí bảo hành CT: Tiêu dự án cấp nước Mộc Bài Tây Ninh
- Trích chi phí bảo hành CT: HTXL nước mặt Sông Hậu, Hậu Giang
- Trích chi phí bảo hành CT: Trạm tăng áp Gò Công- Tiền Giang
- Trích chi phí bảo hành CT: Tuyển ống cấp nước số 5 - Gò Công
- Trích chi phí bảo hành CT Lắp đặt tuyến T2 Gia Tân
- Trích chi phí bảo hành CT Bể chứa NMN Hà Tiên Kiên Giang
- Trích chi phí bảo hành CT: tuyển ống cấp nước D1500 đường Tân Quý, P. Tân Quý
- Trích lập dự phòng 17% tiền lương trên quỹ lương thực chi 2022
- Trích dự phòng chi phí sửa chữa tòa nhà Waseco khu A, B, C

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
14.912.613.919	Số đầu năm
1.026.870.085	1.026.870.085
571.969.328	573.469.328
931.000.000	
5.021.000.000	5.021.000.000
1.276.359.428	1.276.359.428
2.114.821.598	2.007.540.462
1.023.716.727	
602.935.872	691.935.872
541.206.648	541.206.648
82.868.718	
	1.788.433.295
3.297.314.455	3.297.314.455
16.490.062.859	16.224.129.573

21. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

- a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số cuối kỳ	Số đầu năm
701.454.383	344.033.854
4.543.183.242	3.638.765.862

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.868.534.957	2.248.229.085
3.868.534.957	2.248.229.085

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC
6 tháng đầu năm 2023

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	132.000.000.000	9.639.328.147	34.419.917.589	(30.000)		36.205.096.049	5.353.377.646	217.617.689.431
- Tăng vốn trong kỳ trước								
- Lãi trong kỳ trước						13.506.406.655	188.356.062	13.694.762.717
- Tăng khác								
- Giảm vốn trong kỳ trước								
- Lỗ trong kỳ trước								
- Giảm khác						30.088.994.000		30.088.994.000
Số dư cuối kỳ trước	132.000.000.000	9.639.328.147	34.419.917.589	(30.000)		19.622.508.704	5.541.733.708	201.223.458.148
Số dư đầu năm nay	132.000.000.000	9.639.328.147	34.419.917.589	(30.000)		17.276.969.474	5.143.058.165	198.479.243.375
- Tăng vốn trong kỳ này								
- Lãi trong kỳ này						13.739.698.892	(306.130.554)	13.433.568.338
- Tăng khác								
- Giảm vốn trong kỳ này								
- Lỗ trong kỳ này								
- Giảm khác (*)						16.620.000.000		16.620.000.000
Số dư cuối kỳ này	132.000.000.000	9.639.328.147	34.419.917.589	(30.000)		14.396.668.366	4.836.927.611	195.292.811.713

Ghi chú:

(*) Chi tiết các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 26/05/2023, gồm:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.030.000.000
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	390.000.000
- Chia cổ tức năm 2022 (đợt 2) cho các cổ đông	13.200.000.000

Cộng

16.620.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

- Vốn góp của công ty mẹ
- Vốn góp của đối tượng khác

Cộng

Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
60%	79.200.000.000	79.200.000.000
40%	52.800.000.000	52.800.000.000
100%	132.000.000.000	132.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong kỳ
- + Vốn góp giảm trong kỳ
- + Vốn góp cuối kỳ

- Cổ tức lợi nhuận đã chia

d. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng

- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

đ. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

***Ngoại tệ các loại**

- USD
- EUR

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu cho thuê văn phòng, cung cấp dịch vụ
- Doanh thu SX công nghiệp (SX nước sạch + điện)
- Doanh thu kinh doanh BĐS
- Doanh thu hợp đồng xây dựng
- Doanh thu hoạt động khác

Cộng

Kỳ này	Kỳ trước
5.240.365.200	3.037.835.532
47.318.299.961	43.389.946.362
17.875.368.116	22.608.606.496
	1.920.278.951
78.469.224.781	47.696.134.131
146.889.000	
149.050.147.058	118.652.801.472

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của hoạt động cho thuê VP, cung cấp dịch vụ khác

Kỳ này	Kỳ trước
4.778.217.395	2.589.468.082
19.362.528.252	21.132.828.266

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

- Giá vốn SX công nghiệp (SX nước sạch + điện)	9.673.265.021	10.540.937.243
- Giá vốn kinh doanh BĐS		1.821.239.469
- Giá vốn hoạt động xây dựng	80.860.865.094	49.276.380.200
- Giá vốn hoạt động khác	146.630.268	76.856.727
Cộng	114.821.506.030	85.437.709.987
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.227.292.773	1.768.569.515
- Lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.519	
- Lãi do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		7.468.847
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	260.464.500	
Cộng	2.487.804.792	1.776.038.362
4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí lãi vay	9.723.083.769	9.659.745.115
Cộng	9.723.083.769	9.659.745.115
5. THU NHẬP KHÁC	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.836.364	7.935.353
- Thu nhập khác	75.248.521	15.533.800
Cộng	80.084.885	23.469.153
6. CHI PHÍ KHÁC	Kỳ này	Kỳ trước
- Truy thu thuế GTGT, phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	47.165.093	37.771.925
- Tiền phạt VPHC thuế	11.023.008	
Cộng	58.188.101	37.771.925
7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên bán hàng	68.000.000	169.198.697
- Các khoản chi phí bán hàng khác	81.009.969	30.696.286
Cộng	149.009.969	199.894.983
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	6.186.474.902	5.810.925.224
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	121.152.372	121.152.372
- Thuế và lệ phí	127.304.201	159.656.825
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	171.553.871	694.606.738
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi		(1.183.210.883)
- Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(1.788.433.295)	(1.503.193.040)
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	660.000.000	660.000.000
- Các khoản chi phí QLDN khác	3.764.091.343	3.533.687.494
Cộng	9.242.143.394	8.293.624.740
8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.099.580.793	33.119.077.071
- Chi phí nhân công	15.848.927.991	15.738.457.151
- Chi phí khấu hao TSCĐ	11.591.709.391	11.547.138.472
- Chi phí trích lập dự phòng	171.553.871	(1.793.942.856)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.045.209.784	13.955.331.063
- Chi phí bằng tiền khác	13.633.762.825	10.964.826.770
Cộng	170.390.744.655	83.530.887.671

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

	Kỳ này	Kỳ trước
9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	3.643.540.284	3.411.039.545
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN kỳ này		36.717.737
Cộng	3.643.540.284	3.447.757.282
10. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT		
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	660.000.000	660.000.000
Cộng	660.000.000	660.000.000
11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.739.698.892	13.506.406.655
Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	1.928.903.819	1.896.152.134
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	11.810.795.073	11.610.254.520
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.199.997	13.199.997
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	895	880

Ghi chú (*): Quỹ khen thưởng phúc lợi được tính cho kỳ này căn cứ theo tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2022 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 26/05/2023.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1. GIAO DỊCH GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tên đơn vị	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)	Công ty mẹ
- Công ty CP Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á - Mêkong Rạch Giá	Công ty con
- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 15	Cùng công ty mẹ
- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 12	Cùng công ty mẹ
- Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước	Cùng công ty mẹ
- Hội đồng quản trị, Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin	Ban điều hành và các nhân sự chủ chốt

b. Một số nghiệp vụ với các bên liên quan trong 6 tháng đầu năm 2023, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)	Công ty mẹ	- Waseco cho Chi nhánh Viwaseen thuê VP	44.868.388
		- Viwaseen trả tiền thuê VP cho Waseco	
		- Waseco bán vật tư cho Viwaseen	4.187.734.884
		- Waseco chi tiền CT Gò Công - Tuyến ống cấp nước số 5 (Hợp đồng xây dựng số 52/HĐ/2022 ngày 17/06/2022) theo Hợp đồng Liên danh số 02/2022/HĐLD ngày 14/06/2022.	11.493.876.280
		- Waseco thu tiền Chủ Đầu tư thanh toán CT Gò Công - Tuyến ống cấp nước số 5 (Hợp đồng xây dựng số 52/HĐ/2022 ngày 17/06/2022) theo Hợp đồng Liên danh số 02/2022/HĐLD ngày 14/06/2022.	17.168.278.428

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

		- Waseco chi tiền Gói thầu BT-CW-05 Bắc Thạnh Phú, Bến Tre (Hợp đồng xây dựng số 1354/HĐXD-2022 ngày 19/08/2022) theo Thỏa thuận Liên danh số 01/2022/TTLĐ/VIWASEEN -WASECO ngày 08/06/2022.	8.566.191.003
		- Waseco thu tiền Chủ Đầu tư thanh toán Gói thầu BT-CW-05 Bắc Thạnh Phú, Bến Tre (Hợp đồng xây dựng số 1354/HĐXD-2022 ngày 19/08/2022) theo Thỏa thuận Liên danh số 01/2022/TTLĐ/VIWASEEN-WASECO ngày 08/06/2022.	7.965.339.680
- Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước (Viwaseen 11)	Cùng Công ty mẹ	- Waseco cung cấp điện, nước cho Viwaseen 11	71.237.802
		- Viwaseen 11 trả tiền điện, nước cho Waseco	71.237.803
		- Viwaseen 11 cho Waseco thuê VP	208.302.000
		- Waseco trả tiền thuê VP cho Viwaseen 11	208.302.000
		- Waseco trả tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thay và ghi nợ Viwaseen 11	22.594.643
		- Waseco ứng tiền vật tư đường ống CT Tuyến ống cấp nước từ NMN Hữu Đình về KCN giao Long cho Viwaseen 11	4.929.251.996
		Viwaseen 11 trả tiền CT: CMT8 (XN Khoan ứng)	300.000.000

c. Số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
* Phải thu khách hàng		3.045.526.594	3.143.214.920
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)	Công ty mẹ	3.045.526.594	3.143.214.920
* Trả trước cho người bán		4.929.251.996	-
- Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước (Viwaseen 11)	Cùng Công ty mẹ	4.929.251.996	
Cộng các khoản phải thu		7.974.778.590	3.143.214.920

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
* Người mua trả tiền trước ngắn hạn		755.381.586	34.717.001
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)	Công ty mẹ	743.259.227	
- Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước (Viwaseen 11)	Cùng Công ty mẹ	12.122.359	34.717.001
* Phải trả khác		485.137.582	185.137.582
- Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước (Viwaseen 11)	Cùng Công ty mẹ	485.137.582	185.137.582
Cộng các khoản phải trả		1.240.519.168	219.854.583

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

d. Ngoài các giao dịch giữa các bên liên quan được trình bày ở trên, trong kỳ Công ty phát sinh thêm các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Nội dung	Chức danh	Giá trị giao dịch	
		Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao của Hội đồng quản trị		506.000.000	504.000.000
Nguyễn Duy Hùng	Chủ tịch HĐQT (từ tháng 6/2023)	90.000.000	48.000.000
Vũ Đoàn Chung	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Đức Bôn (Thù lao, thưởng)	- Thành viên HĐQT (từ tháng 6/2023) - Chủ tịch HĐQT (đến tháng 5/2023)	260.000.000	300.000.000
Chu Xuân Lãng	Thành viên HĐQT (từ tháng 6/2023)	8.000.000	
Nguyễn Thị Bảo Quỳnh	Thành viên HĐQT (từ tháng 6/2023)	8.000.000	
Nguyễn Văn Lộc	Thành viên HĐQT (đến tháng 5/2023)	40.000.000	48.000.000
Lê Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT (đến tháng 5/2023)	40.000.000	48.000.000
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc		1.003.800.000	739.753.000
Chu Xuân Lãng	Tổng Giám đốc (từ tháng 6/2023)	188.000.000	179.000.000
Nguyễn Duy Hùng	Tổng Giám đốc (đến tháng 5/2023)	197.000.000	219.334.000
Nguyễn Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc	176.000.000	167.000.000
Nguyễn Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	176.000.000	14.000.000
Phạm Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (từ tháng 4/2023)	96.800.000	
Nguyễn Quốc Tuấn	Kế toán trưởng	170.000.000	160.419.000
Thù lao của Ban Kiểm soát		216.000.000	212.000.000
Bùi Khánh Linh	Trưởng ban	36.000.000	36.000.000
Phạm Phước Thịnh (Thù lao, lương, thưởng)	Thành viên	156.000.000	152.000.000
Nguyễn Văn Dân	Thành viên (từ tháng 6/2023)	4.000.000	
Huỳnh Bá Đức	Thành viên (đến tháng 5/2023)	20.000.000	24.000.000
Thù lao người được ủy quyền công bố thông tin		30.000.000	24.000.000
Nguyễn Quốc Tuấn	Kế toán trưởng	30.000.000	24.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

2. BÁO CÁO BỘ PHẬN

2.1- Báo cáo bộ phận: Bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

a- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh gồm đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình (cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng - công nghiệp...), lĩnh vực kinh doanh bất động sản, lĩnh vực dịch vụ (tư vấn thiết kế).

b- Bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn lãnh thổ Việt Nam.

2.2- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thi công xây lắp	Kinh doanh bất động sản	Sản xuất nước sạch, kinh doanh khác	Cho thuê văn phòng, thuê khác	Kinh doanh vật tư hàng hóa	Tổng
A- Kết quả						
1- Doanh thu thuần	78.469.224.781		18.022.257.116	47.318.299.961	5.240.365.200	149.050.147.058
2- Chi phí	80.860.865.094		9.819.895.289	19.362.528.252	4.778.217.395	114.821.506.030
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	80.860.865.094		9.819.895.289	19.362.528.252	4.778.217.395	114.821.506.030
3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(2.391.640.313)		8.202.361.827	27.955.771.709	462.147.805	34.228.641.028
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	213.737.804.286	12.439.467.458	194.881.209.923	125.258.946.152	957.242.938	547.274.670.757
C- Nợ phải trả của bộ phận	167.021.290.808	5.837.572.099	117.637.849.565	61.336.021.492	135.216.832	351.967.950.796
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ						
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước	1.726.955.774		7.272.137.979	4.669.873.468		13.668.967.221
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	1.713.322.925		6.515.368.819	3.363.017.647		11.591.709.391
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước	13.632.849		756.769.160	1.306.855.821		2.077.257.830



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30/06/2023	Ngày 31/12/2022	Ngày 30/06/2023	Ngày 31/12/2022	Ngày 30/06/2023	Ngày 31/12/2022
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	79.368.517.523	60.603.722.536			79.368.517.523	60.603.722.536
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	22.000.000.000			10.000.000.000	22.000.000.000
- Phải thu của khách hàng	85.484.396.924	111.831.303.554	(9.942.022.450)	(9.770.468.579)	75.542.374.474	102.060.834.975
- Phải thu ngắn hạn khác	7.826.719.462	6.092.574.388	(1.204.151.826)	(1.204.151.826)	6.622.567.636	4.888.422.562
Cộng	182.679.633.909	200.527.600.478	(11.146.174.276)	(10.974.620.405)	171.533.459.633	189.552.980.073
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.165.720.764	10.759.396.244			6.165.720.764	10.759.396.244
- Phải trả người bán	42.141.770.516	36.002.554.268			42.141.770.516	36.002.554.268
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	14.912.613.919	13.269.610.860			14.912.613.919	13.269.610.860
- Chi phí phải trả	8.555.422.023	36.500.792.326			8.555.422.023	36.500.792.326
- Phải trả dài hạn khác	27.486.135.918	27.283.259.769			27.486.135.918	27.283.259.769
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	150.556.113.675	156.086.113.675			150.556.113.675	156.086.113.675
Cộng	249.817.776.815	279.901.727.142			249.817.776.815	279.901.727.142

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty cấp nước lớn của các tỉnh thành trong khu vực phía Nam, có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong lĩnh vực cấp thoát nước, ngoài ra các công trình công ty đang thi công nguồn vốn thanh toán chắc chắn nên những rủi ro về phải thu khó đòi từ khách hàng rất ít. Tuy nhiên cũng có một số công trình vướng về mặt bằng thi công dẫn đến thời gian thi công kéo dài, chi phí đầu vào biến động, lãi vay tăng cao.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Công ty chỉ tham gia đấu thầu các công trình có nguồn vốn thanh toán đảm bảo để tránh trường hợp thi công xong công trình nhưng chủ đầu tư không có nguồn vốn để thanh toán.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 30/06/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.368.517.523		79.368.517.523
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.311.116.386		93.311.116.386
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000		10.000.000.000
Đầu tư dài hạn		2.855.616.559	2.855.616.559
Tài sản tài chính khác			
Tổng cộng	182.679.633.909	2.855.616.559	185.535.250.468
Tại 01/01/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.603.722.536		60.603.722.536
Phải thu khách hàng và phải thu khác	117.923.877.942		117.923.877.942
Đầu tư ngắn hạn	22.000.000.000		22.000.000.000
Đầu tư dài hạn		2.855.616.559	2.855.616.559
Tài sản tài chính khác			
Tổng cộng	200.527.600.478	2.855.616.559	203.383.217.037

b.4 Tài sản đảm bảo

* Tài sản thế chấp cho đơn vị khác:

Đến ngày 30/06/2023, Công ty có các tài sản thế chấp sau:

b.4.1- Khoản vay ngắn hạn tại NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN SGD2

Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 211/2021/62599/HĐBĐ ngày 14/05/2021.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 416/2016/62599/HĐBĐ ngày 22/07/2016.
- VB sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 04/416/2016/62599/HĐBĐ ngày 04/03/2020.

Tài sản thế chấp:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất "Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng"
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn

Giá trị còn lại của tài sản thế chấp:

- Tài sản gắn liền trên đất "Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng": 43.663.193.935 đồng.
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn: đã khấu hao hết.
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn: đã khấu hao hết.

Giá trị thế chấp của tài sản:

- Tài sản gắn liền trên đất "Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng": 46.526.000.000 đồng.
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn: 0 đồng.
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn: 0 đồng.

Mục đích thế chấp: Vay vốn ngắn hạn + bảo lãnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

b.4.2- Khoản vay tại Vietinbank - Chi nhánh 1 TPHCM:

Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai số 041/2017/HDTC/NHCT902-WASECO ngày 28/06/2017 để vay vốn trung hạn, thực hiện dự án đầu tư Trung tâm trung bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai số 042/2017/HDTC/NHCT902-WASECO ngày 28/06/2017 để vay vốn trung hạn, thực hiện dự án đầu tư Trung tâm trung bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO.
- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản hình thành trong tương lai số 043/2017/HDTC/NHCT902-WASECO ngày 28/06/2017 để vay vốn trung hạn, thực hiện dự án đầu tư Trung tâm trung bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO.

Tài sản thế chấp:

- Giá trị bất động sản hình thành trong tương lai dự án đầu tư Trung tâm trung bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO: 134.596.000.000đ.

Mục đích thế chấp: Vay vốn trung hạn thực hiện dự án đầu tư Trung tâm trung bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO.

Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 026/2022/HĐBĐ/NHCT902-WASECO ngày 22/04/2022 để vay vốn ngắn hạn; Tài sản thế chấp: Công trình nhà văn phòng khu A; Giá trị tài sản thế chấp 4.100.000.000 đồng

Hợp đồng cầm cố:

- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 065/2022/HĐBĐ/NHCT902-WASECO ngày 20/09/2022 với giá trị 10.000.000.000 đồng.

Mục đích: Đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đầy đủ, đúng hạn (bao gồm: gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác) liên quan đến hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 111/2017-HĐCVDAĐT/NHCT902-WASECO ngày 28/06/2017 - Dự án đầu tư Trung tâm trung bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO (khu C).

b.4.3- Khoản vay tại Vietinbank - CN Kiên Giang

Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng số 17670014A/HĐTC ngày 23/5/2017 (tài sản gồm các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thống nhất định giá là 231.037.000.000 đồng);
- Hợp đồng số 17670014B/HĐTC ngày 23/5/2017 (tài sản gồm các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thống nhất định giá là 20.960.000 đồng);
- Hợp đồng số 17670014C/HĐTC ngày 23/5/2017 (tài sản gồm các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai).

Tài sản thế chấp:

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai.

Mục đích thế chấp: thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp thuộc dự án Xây Dựng hệ thống cấp nước Nam Rạch Giá có công suất 20.000 m³/ngày, đêm.

* Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác: Không phát sinh.

b.4.4. Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác: Không phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

4. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO KỶ TRƯỚC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số kỳ trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2022 đã được trích vào năm 2023 căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2023 về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022. Do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được điều chỉnh và trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 2 năm 2022		
		Số liệu trình bày trước đây	Ảnh hưởng của việc trình bày lại	Số liệu đã được trình bày lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	570	(88)	482

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2022		
		Số liệu trình bày trước đây	Ảnh hưởng của việc trình bày lại	Số liệu đã được trình bày lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.037	(157)	880

5. THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Ngọc Đài

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 09 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Chu Xuân Lăng